

Bản án số: 24/2019/HSST

Ngày 24 – 9 – 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Bà Tòng Thị Tuyết

Các hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Kim Quy

Ông Giàng A Chinh

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Hồng Phúc – Thư ký Toà án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên toà:
Ông Đào Mạnh Hân, Kiểm sát viên.

Ngày 24/9/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 26/2019/HSST ngày 13 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2019 đối với *bị cáo*:

Họ và tên: **Bùi Đăng H**; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1989 tại tỉnh L; Nơi ĐKKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 8, phường Đoàn K, thành phố L, tỉnh L; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 11/12; Dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông: Bùi Đăng T, sinh năm 1959 (đã chết), con bà Đồng Thị K1, sinh năm 1962; Có vợ là: Pờ Cổ Ng, sinh năm 1994 và có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2017; Anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là con thứ ba; Tiền sự: không; Tiền án: Có 01 tiền án: Bản án số 137/2018/HSST ngày 13/6/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh đã xử phạt Bùi Đăng H 16 tháng tù về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Ngày 06/5/2019 bị cáo chấp hành xong hình phạt. Đến ngày phạm tội bị cáo chưa được xóa án tích; Về nhân thân: Ngày 17/3/2009 bị Tòa án nhân dân tỉnh L đã xử phạt 07 năm tù về tội: Mua bán trái phép chất ma túy. Đến tháng 02/2014 chấp hành xong hình phạt; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/7/2019 cho đến nay. *Có mặt tại phiên toà.*

- Người bị hại: Chị Cao Thị D, sinh năm 1979; Trú tại: Tổ 22, phường Đông Phong, thành phố L, tỉnh L. *Có mặt.*

- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đồng Thị K1, sinh năm 1962. Trú tại: Tổ 8, phường Đoàn K, thành phố L, tỉnh L. *Vắng mặt có lý do.*

2. Chị Lê Thị N, sinh năm 1972. Trú tại: Tổ 23, phường Đông Phong, thành phố L, tỉnh L. *Có mặt.*

NỘI D VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Ngày 29/6/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố L, tỉnh L nhận được đơn trình báo của chị Cao Thị D về việc: Ngày 22/6/2019 tại cửa hàng kinh doanh vật tư điện nước Hoàng Anh của chị ở Tổ 23, phường Đông P, thành phố L, tỉnh L bị mất 01 cuộn dây điện nhãn hiệu Trần Phú - TRAFUCO màu vàng loại $2 \times 4.0\text{mm}^2$, chiều dài 100m, chưa qua sử dụng. Qua rà soát trên địa bàn, cơ quan điều tra Công an thành phố L tiến hành triệu tập Bùi Đăng H đến trụ sở Công an làm việc.

Tại cơ quan điều tra Bùi Đăng H khai nhận: Khoảng 16 giờ 00 phút, ngày 22/6/2019 Bùi Đăng H điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Vision màu nâu đen, BKS 25B1-106.29, là xe của mẹ bị cáo (bà Đồng Thị K1), đi đến cửa hàng kinh doanh vật tư điện nước Hoàng Anh ở tổ 23, phường Đông Phong để hỏi giá một số thiết bị vệ sinh. Tại đây, quan sát không có ai trông coi cửa hàng thấy ở gần cửa ra vào có một số cuộn dây điện xếp chồng lên nhau trên nền nhà, H lấy trộm 01 cuộn dây điện nhãn hiệu Trần Phú - TRAFUCO màu vàng loại $2 \times 4.0\text{mm}^2$ mang để ở vị trí đặt chân của xe máy Hondo Vision rồi quay vào cửa hàng thì gặp chủ cửa hàng (chị D) từ trong nhà đi ra. H hỏi giá một số thiết bị vệ sinh và hẹn hôm sau sẽ quay lại để mua rồi đi về.

Đến 17 giờ 00 phút, cùng ngày 22/6/2019 H mang cuộn dây điện trộm cắp được đến cửa hàng Tâm N ở Tổ 7, phường Đoàn K, thành phố L, tỉnh L bán cho chủ cửa hàng là chị Lê Thị N được 1.500.000 đồng, H nói với chị N cuộn dây điện của nhà dùng thừa nên đem bán.

Ngày 29/6/2019 chị Lê Thị N đã giao nộp cuộn dây điện mua của Bùi Đăng H cho Cơ quan điều tra.

K luận định giá tài sản số 19/KLĐG ngày 05/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố L đã K luận: 01 cuộn dây điện nhãn hiệu cơ điện Trần Phú - TRAFUCO màu vàng loại $2 \times 4.0\text{mm}^2$, chiều dài 100m, chưa qua sử dụng có giá là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng chẵn*).

Các vấn đề khác của vụ án:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì.

Người bị hại là chị Cao Thị D trình bày: 01 cuộn dây điện nhãn hiệu cơ điện Trần Phú - TRAFUCO màu vàng loại $2 \times 4.0\text{mm}^2$, chiều dài 100m, chưa qua sử dụng mà Bùi Đăng H trộm cắp là của chị nên chị đề nghị được trả lại tài sản và không yêu cầu Bùi Đăng H phải bồi thường gì thêm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị N trình bày: Chị có mua của một nam thanh niên 01 cuộn dây điện nhãn hiệu cơ điện Trần Phú - TRAFUCO màu vàng loại $2 \times 4.0\text{mm}^2$, chiều dài 100m, chưa qua sử dụng với giá

1.500.000 đồng. Người đó nói là dây điện làm nhà mua thừa nên muốn bán lại. chị N đồng ý nhưng lúc đó chị N không có tiền mặt nên trả trước 300.000 đồng còn 1.200.000 đồng hôm sau trả nốt. Cuộn dây đó đã giao nộp cho cơ quan điều tra. Nay chị yêu cầu Bùi Đăng H phải trả lại số tiền 1.500.000 đồng cho chị. Bị cáo H đồng ý sẽ trả cho chị N số tiền này.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bà Đồng Thị K1 trình bày: Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision màu nâu đen, BKS 25B1-106.29 là xe của bà. Khoảng 14 giờ, ngày 22/6/2019 bà cho con trai là Bùi Đăng H mượn để đi mua thiết bị vệ sinh. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày 22/6/2019 thì H mang xe về trả. Việc H trộm cắp tài sản (cuộn dây điện) bà không biết và không có yêu cầu gì.

Tại bản cáo trạng số: 24/CT-VKSTP ngày 12/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L đã truy tố bị cáo Bùi Đăng H về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh L vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bùi Đăng H phạm tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Đăng H từ 08 đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án. Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại 01 cuộn dây điện nhãn hiệu cơ điện Trần Phú - TRAFUCO màu vàng loại 2x4.0mm², chiều dài 100m, chưa qua sử dụng cho chị Cao Thị D.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 117, 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự, Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự: Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan về việc bị cáo bồi thường cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị N số tiền 1.500.000 đồng.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Tại lời nói sau cùng bị cáo Bùi Đăng H thể hiện việc bị cáo nhận thức được hành vi mà bị cáo thực hiện là phạm tội, bị cáo xin lỗi gia đình người bị hại. Bị cáo ăn năn hối cải, đề nghị được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều không

có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tổ tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tổ tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Khoảng 16 giờ 00 phút, ngày 22/6/2019 tại cửa hàng kinh doanh vật tư điện nước Hoàng Anh của chị ở Tổ 23, phường Đông P, thành phố L, tỉnh L, bị cáo Bùi Đăng H lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chị Cao Thị D đã trộm cắp 01 cuộn dây điện nhãn hiệu cơ điện Trần Phú - TRAFUCO màu vàng loại $2 \times 4.0 \text{ mm}^2$, chiều dài 100m, chưa qua sử dụng có trị giá là 2.000.000 (*Hai triệu đồng chẵn*). Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L đã truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an trên địa bàn. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là phạm tội nhưng vẫn cố ý thực hiện.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo có nhân thân xấu. Ngày 17/3/2009 bị Tòa án nhân dân tỉnh L đã xử phạt 07 năm tù về tội: Mua bán trái phép chất ma túy. Đến tháng 02/2014 chấp hành xong hình phạt. Bị cáo đã được xóa án tích.

Về tình tiết tăng nặng: Bản án số 137/2018/HSST ngày 13/6/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh đã xử phạt Bùi Đăng H 16 tháng tù về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Ngày 06/5/2019 bị cáo chấp hành xong hình phạt. Đến ngày phạm tội bị cáo chưa được xóa án tích là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình đó là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có việc làm ổn định, không có thu nhập. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án: 01 cuộn dây điện nhãn hiệu cơ điện Trần Phú - TRAFUCO màu vàng loại $2 \times 4.0 \text{ mm}^2$, chiều dài 100m, chưa qua sử dụng là tài

sản hợp pháp của chị Cao Thị D nên trả lại cho chị Cao Thị D theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa chị Lê Thị N người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan yêu cầu bị cáo trả lại cho chị số tiền 1.500.000 đồng. Bị cáo Bùi Đăng H nhất trí. Xét việc mua bán cuộn dây điện nhãn hiệu cơ điện Trần Phú - TRAFUCO màu vàng loại $2 \times 4.0 \text{ mm}^2$, chiều dài 100m, chưa qua sử dụng giữa bị cáo và chị Lê Thị N là do hai bên tự nguyện thỏa thuận, chị N không biết cuộn dây điện trên là xe do bị cáo trộm cắp mà có và sự thỏa thuận bồi thường là đúng pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần áp dụng Điều 117, 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự, Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 48 của Bộ luật hình sự: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và chị Lê Thị N là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[7] Đối với việc bà Đồng Thị K1 là mẹ của bị cáo cho bị cáo mượn chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision màu nâu đen, BKS 25B1-106.29 là xe của bà, việc H lấy xe để trộm cắp tài sản bà không biết nên không đồng phạm với H về tội trộm cắp tài sản.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 106, các Điều 136, 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 117, 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự, Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Đăng H phạm tội: “Trộm cắp tài sản”
2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **Bùi Đăng H 09 (chín) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.
3. Về vật chứng: Trả lại cho chị Cao Thị D 01 cuộn dây điện nhãn hiệu cơ điện Trần Phú - TRAFUCO màu vàng loại $2 \times 4.0 \text{ mm}^2$, chiều dài 100m, trên dây thể hiện các thông số 60227 IEC 53 300/500V 70°C $2 \times 4.0 \text{ SQmm}$ chưa qua sử dụng

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/8/2019 giữa Công an thành phố L và Chi cục thi hành án dân sự thành phố L).

4. Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thỏa thuận của bị cáo và chị Lê Thị N là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về việc bị cáo bồi thường cho chị N số tiền là 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng chẵn*)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thanh toán khoản tiền phải trả thì

phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015, cụ thể: lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án lên Tòa án nhân dân cấp trên.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- Công an TP L;
- VKSND TP L;
- Chi cục THADS TP L;
- Sở tư pháp tỉnh L;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QL&NVLQ;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tòng Thị Tuyết

